

**MỐI QUAN HỆ CỦA PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO CHUYÊN QUYỀN VÀ HÀNH VI
LÀM VIỆC PHẢN TÁC DỤNG THÔNG QUA VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA SỰ
CAM KẾT NHÂN VIÊN NGÂN HÀNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Dương Thị Thu Thịnh^{1*}, Huỳnh Ngọc Trang¹, Nguyễn Văn Điều², Trần Tuấn Anh¹

¹Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

Tác giả liên hệ: Email: thinh.duongthithu@hcmuaf.edu.vn

Ngày nhận: 22/04/2023

Ngày nhận lại: 10/05/2024

Ngày đăng: 25/10/2024

DOI: 10.52932/jfm.v15i7.528

Phụ lục 1. Thang đo nghiên cứu

Biến	Mã hóa	Nội dung câu hỏi	Tham khảo
Phong cách lãnh đạo chuyên quyền	AL1	Sếp thường mong muốn tôi tuân theo sếp.	De Hoogh và Den Hartog (2009), Zhou và cộng sự (2021)
	AL2	Sếp của tôi có những hành động độc đoán.	
	AL3	Sếp của tôi cá tính và không chấp nhận được sự bất đồng của cấp dưới.	
	AL4	Sếp tôi gay gắt yêu cầu cấp dưới phải làm việc.	
	AL5	Sếp tôi luôn đảm bảo rằng lợi ích của mình luôn được đáp ứng	
Hành vi làm việc phản tác dụng	CWB1	Tôi có hành vi gây tổn hại hoặc ý định gây tổn hại cho tổ chức.	Ones và Dilchert (2013)
	CWB2	Tôi có ý định vắng mặt và đi làm trễ.	
	CWB3	Tôi cố gắng thực hiện hành vi gây thương tích và phá hoại.	
	CWB4	Tôi có hành động vi phạm các chuẩn mực xã hội.	
	CWB5	Tôi có hành động gây hấn tại nơi làm việc.	
	CWB6	Tôi có hành vi trả đũa với tổ chức.	
Cam kết nhân viên	EC1	Tôi tự hào khi nói với người khác rằng tôi là một phần của công ty.	Rast III và cộng sự (2012)
	EC2	Tôi thấy rằng giá trị của tôi và giá trị của công ty giống nhau.	
	EC3	Tôi thực sự quan tâm đến số phận của công ty.	
	EC4	Tôi sẽ làm việc chăm chỉ để công ty thành công	
	EC5	Tôi trung thành với công ty.	

Phụ lục 2. Mô tả mẫu nghiên cứu

	Tiêu chí	Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	112	41,95
	Nữ	151	56,55
Tuổi	Từ 20 đến 30	87	32,58
	Từ 31 đến 40	142	53,18
	Trên 40 tuổi	34	14,23
Trình độ học vấn	THPT, trung cấp	22	8,24
	Cao đẳng	76	28,46
	Đại học	129	48,31
	Trên đại học	40	14,98
Kinh nghiệm làm việc	Dưới 5 năm	80	29,96
	Từ 5 – 10 năm	142	53,18
	Trên 10 năm	45	16,85
Thời gian làm việc với sếp	Dưới 6 tháng	50	18,73
	Từ 6 – 12 tháng	97	36,33
	Trên 12 tháng	120	44,94
Tổng		263	100

Phụ lục 3. Kết quả phân tích hiện tượng đa cộng tuyến VIF từ mô hình

	VIF
AL1	2,226
AL2	2,318
AL3	2,302
AL4	2,257
AL5	2,002
CWB1	2,469
CWB2	1,881
CWB3	2,273
CWB4	2,115
CWB5	1,752
CWB6	1,983
EC1	2,157
EC2	1,662
EC3	1,895
EC4	1,855
EC5	1,929

Phụ lục 4. Kết quả phân tích mô hình SEM

